

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-Bản án số: 250/2018/HNGĐ-ST

-Ngày: 31/5/2018.

**- V/v: Xin ly hôn,
tranh chấp nuôi con chung.**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tài**
- Các Hội thẩm nhân dân:**
 - + Ông: Nguyễn Hoa Kiều**
 - + Bà: Nguyễn Thị Thùy Trang**
- Thư ký phiên tòa: bà Lê Nguyễn Ái Quyên** Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.
- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa: bà Lý Nguyễn Huyền Trang** kiểm sát viên

Ngày 31 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 502/2017/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2017 về việc “xin ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2018/QĐST-HNGĐ ngày 12/4/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 69/2018/QĐST-HNGĐ ngày 08/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, giữa các đương sự:

1 . Nguyên đơn: Ngô Thị Diễm A, sinh năm 1996 (có mặt)

Địa chỉ: ấp M, xã N, huyện Y, tỉnh Tiền Giang;

2. Bị đơn: Lê Văn B, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp O, xã P, huyện X, tỉnh Tiền Giang;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn xin ly hôn và bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn Ngô Thị Diễm A trình bày: Năm 2015, qua mai mối chị và anh B tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tổ chức cưới, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã N, huyện Y, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 86, ngày

14/7/2015. Sau khi cưới, vợ chồng chị sống hạnh phúc cho đến tháng 3/2016, chị sinh con, sau đó khoảng 03 tháng giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng sống không hòa hợp, bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau làm cho đời sống vợ chồng không hạnh phúc. Anh, chị đã ly thân từ tháng 6/2016 cho đến nay. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống vợ chồng không hạnh phúc, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên chị yêu cầu ly hôn với anh B.

Về con chung: anh, chị có 01 con chung tên Lê Đăng C, sinh ngày 04/3/2016, hiện con đang sống với chị. Ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung và không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

* Bị đơn Lê Văn B đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng để trình bày ý kiến đối với yêu cầu xin ly hôn của chị A, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh không đến và cũng không văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu xin ly hôn của chị A.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của đương sự, quan điểm giải quyết vụ án của Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Ngô Thị Diễm A và anh Lê Văn B tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tổ chức cưới và có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã N, huyện Y, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 86, ngày 14/7/2015 nên hôn nhân giữa chị A và anh B được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp. Nay chị A xin ly hôn với anh B và có yêu cầu được nuôi con chung nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là "xin ly hôn, tranh chấp nuôi con chung", do bị đơn thường trú ấp O, xã P, huyện Chợ Gạo, Tiền Giang nên Tòa án nhân dân huyện X có thẩm quyền giải quyết theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Xét thấy, bị đơn Lê Văn B đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng để trình bày ý kiến đối với yêu cầu xin ly hôn của chị A, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh B vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt anh B.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị A là có cơ sở, bởi lẽ: chị A và anh B cưới nhau trên cơ sở sự tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã N, huyện Y, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 86, ngày 14/7/2015. Quá trình chung sống giữa vợ chồng chị không hạnh phúc nguyên nhân do anh, chị tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi

nhau. Anh, chị đã ly thân từ tháng 6/2016 cho đến nay. Trong thời gian ly thân đến nay, anh, chị không hàn gắn được tình cảm vợ chồng cho thấy mâu thuẫn giữa anh chị đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể kéo dài. Hơn nữa, từ ngày Tòa án thụ lý vụ án cho đến nay, anh B được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng và triệu tập đến Tòa án trình bày ý kiến về việc chị A xin ly hôn, dự phiên họp, hòa giải, xét xử nhưng anh vẫn vắng mặt không đến, chứng tỏ anh không còn thiết tha hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị A. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị A, cho chị A được ly hôn với anh B là phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: anh, chị có con chung tên Lê Đăng C, sinh ngày 04/3/2016, hiện con đang sống với chị A. Ly hôn, chị A yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung và không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con. Yêu cầu này của chị A là có cơ sở chấp nhận vì từ khi anh, chị ly thân đến nay, cháu C đã sống ổn định với chị A, hơn nữa cháu C còn rất nhỏ (dưới 36 tháng tuổi) nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao chị A được quyền tiếp tục nuôi dưỡng con chung là phù hợp với quy định của pháp luật. Chị A không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không giải quyết. Anh B được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung, không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: do anh B vắng mặt, chị A trình bày anh, chị không có nợ chung và tài sản chung do đó Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Trường hợp sau này các bên có tranh chấp sẽ giải quyết ở vụ án khác.

[6] Về án phí: do chị A là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên chị phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[7] Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật tố tụng dân sự; đối với yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ pháp luật đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Đề nghị này phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

*** Xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Ngô Thị Diễm A.**

1. Về tình cảm: chị Ngô Thị Diễm A được ly hôn với anh Lê Văn B

2. Về con chung: chị Ngô Thị Diễm A được quyền tiếp tục nuôi con chung tên Lê Đăng C, sinh ngày 04/3/2016;

+ Chị Ngô Thị Diễm A không yêu cầu anh Lê Văn B cấp dưỡng nuôi con;

+ Anh Lê Văn B được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung, không ai được cản trở;

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

+ Chị Ngô Thị Diễm A phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo biên lai thu số 35871 ngày 16/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện X. Như vậy chị A đã nộp xong án phí.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị A được quyền kháng cáo Bản án đến Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang để yêu cầu xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Riêng anh B, tính từ ngày được Tòa án tổng đạt hoặc niêm yết Bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

*** Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND huyện X;
- Chi cục THADS huyện X;
- UBND xã N.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký và đóng dấu)

Phạm Văn Tài